

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15 – 10 - 2019

V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nghi;

2. Ông Nguyễn Đình La.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn ĐK 1, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn ĐK 1, xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 18 tháng 3 năm 2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 25 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn anh và chị L sống chung cùng gia đình anh. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, đến tháng 11 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, nhiều lần cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên cuối tháng 11 năm 2017 chị L về nhà bố mẹ đẻ một vài ngày sau đó đi làm ăn ở Hà Nội, chị vẫn thường xuyên về thăm con, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Bị đơn, chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai ngày 17 tháng 5 năm 2019 và biên bản hòa giải ngày 23 tháng 5 năm 2019 chị L trình bày: Về thời gian và thủ tục kết hôn như lời trình bày của anh T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình anh T. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, đến tháng 11 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, nhiều lần cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên cuối tháng 11 năm 2017 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không giàn xếp gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T xin hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Anh T, chị L đều xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2016, hiện nay cháu H đang ở với anh T. Ly hôn, anh T và chị L đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu phía bên kia cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Anh T, chị L đều xác nhận anh chị không có tài sản chung, không ai quản lý tài sản riêng của ai.

Về công nợ: Anh T, chị L đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công sức: Anh T, chị L đều xác nhận chị L có hơn 03 năm chung sống với gia đình anh nhưng không cùng gia đình tạo lập được tài sản gì. Ly hôn anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về đất canh tác: Anh T, chị L đều xác nhận anh chị được giao đất canh tác chung với gia đình mỗi bên. Ly hôn, hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị L được ly hôn. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí ly hôn sơ thẩm anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên nhiều lần cãi nhau. Tháng 11 năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị L về nhà bố mẹ đẻ thời gian ngắn sau đó đi làm ăn ở Hà Nội, nhưng vẫn thường xuyên về thăm con. Anh T, chị L đã ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Quá trình sống ly thân, hai bên đều không có

biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh T xin ly hôn chị L cũng đồng ý, nhưng do chị L vắng mặt tại phiên tòa nên cần xử cho anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị L được ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Anh T và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2016, hiện nay cháu H đang ở với anh T. Ly hôn anh T và chị L đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu được nuôi con chung của anh T và chị L là chính đáng. Tuy nhiên, quá trình thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã ĐT nơi anh T đang cư trú, thấy rằng, từ khi anh T, chị L ly thân cháu H đã ở với anh T trong thời gian ở với anh T cháu H được anh T nuôi dưỡng tốt, thể chất và trí tuệ phát triển bình thường. Hiện nay anh T đang làm ăn kinh doanh chăn nuôi tại nhà nên có nơi ở và thu nhập ổn định. Quá trình thu thập chứng cứ đối với gia đình chị L, thấy rằng hiện nay chị L đang đi bán quần áo thuê ở Hà Nội, thu nhập không ổn định, phụ thuộc vào doanh thu bán hàng, chị L chưa có nhà riêng. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H cần xem xét đến điều kiện nuôi con của mỗi bên. Hiện nay, anh T có nơi ở và thu nhập ổn định; còn chị L chưa có nhà riêng, thu nhập không ổn định, thường xuyên đi làm xa nên điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con chung sẽ khó khăn hơn anh T. Mặt khác, hiện nay cháu H đang được anh T nuôi dưỡng tốt, cuộc sống đang ổn định không cần thay đổi môi trường sống của cháu, tránh ảnh hưởng đến thể chất và tâm sinh lý của cháu. Nên cần giao con chung là cháu Nguyễn Khánh H cho anh T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên về cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, tài sản riêng: Hai bên đều xác nhận không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về công nợ, công sức và đất canh tác: Anh T và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị L được ly hôn.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Đức T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 17 tháng 01 năm 2016. Chị Nguyễn Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có

4. Về công nợ, công sức và đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc theo biên lai thu số AA/2017/0002663 ngày 09 tháng 4 năm 2019; xác nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện TD;
- Chi cục Thi hành án DS huyện TD;
- UBND xã DT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Bích Ngọc

